

Bản án số: **208/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 25 - 7 - 2024

“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thanh.

2. Bà Trần Thị Vân Anh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 74/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn T, sinh năm 1976.

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Ánh T, sinh năm 1974.

Cùng nơi cư trú: Thôn 4 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bà T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị Ánh T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân hơn 1 năm nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Ông xác định mâu thuẫn giữa ông và bà T đã quá căng thẳng và trầm trọng, không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Ngô Thị Ánh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Ngô Thị Ánh T có 02 con chung là Phan Đức M, sinh ngày 11/11/1998 và Phan Văn T, sinh ngày 18/11/2000. Ngoài ra ông và bà T còn có 01 con nuôi là cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014.

Hiện tại các con chung là Phan Đức M và Phan Văn T đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với con nuôi là cháu Phan Trần Gia B ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Bảo đến khi trưởng thành và ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Ông và bà Ngô Thị Ánh T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Ông và bà Ngô Thị Ánh T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản làm việc, bị đơn bà Ngô Thị Ánh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện và được hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống tình cảm của ông bà bình thường đến tết nguyên đán (tức tháng 01 năm 2024) thì ông T đi vào miền nam chơi sau đó có người phụ nữ khác nên không muốn chung sống cùng bà nữa. Nay ông T có đơn đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Phan Văn T thì bà không có ý kiến gì, chỉ mong ông T suy nghĩ lại để về chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Phan Văn T có 02 con chung là Phan Đức M, sinh ngày 11/11/1998 và Phan Văn T, sinh ngày 18/11/2000. Ngoài ra bà và ông T còn có 01 con nuôi là cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014.

Hiện tại các con chung là Phan Đức M và Phan Văn T đều đã trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với con nuôi là cháu Phan Trần Gia B bà nhất trí cho ông T trực tiếp nuôi cháu Bảo đến khi trưởng thành, bà không phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông T.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Bà và ông Phan Văn T tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Bà và ông Phan Văn T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại thôn 4 T, xã T, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 4 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì bà T và ông T không chung sống cùng nhau nữa.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 17/11/2023 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ trước đến nay không thể hiện việc ông Phan Văn T có đăng ký kết hôn với bà Ngô Thị Ánh T.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án gồm:

- Nguyên đơn ông Phan Văn T cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 02 Căn cước công dân của ông T và bà T (Bản sao chứng thực); 01 Giấy xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 03 Giấy khai sinh (Bản sao chứng thực).

- Bị đơn bà Ngô Thị Ánh T cung cấp cho Tòa án: Không có.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn ông Phan Văn T chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn bà Ngô Thị Ánh T đôi khi chấp hành tốt các quy định pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014 cho ông Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Bà Ngô Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Phan Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Ông Phan Văn T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bà Ngô Thị Ánh T không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phan Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Ngô Thị Ánh T nên xác định đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn bà Ngô Thị Ánh T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 4 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn bà Ngô Thị Ánh T tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ và xét xử đối với bà Ngô Thị Ánh T nhưng bà T không đến tham gia phiên tòa để xét xử vụ án theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Ngô Thị Ánh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, ông T và bà T chung sống với nhau từ năm 1998

đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế ông T và bà T đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân ông T và bà T không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy ông T làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà T. Xét thấy yêu cầu của ông Phan Văn T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T có 02 con chung là Phan Đức M, sinh ngày 11/11/1998 và Phan Văn T, sinh ngày 18/11/2000. Ngoài ra ông T và bà T còn có 01 con nuôi là cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014.

- Đối với các con chung là Phan Đức M và Phan Văn T đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên ông T và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với con nuôi là cháu Phan Trần Gia B: Ông Phan Văn T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành và ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông; Bà Ngô Thị Ánh T cũng nhất trí để ông T được trực tiếp nuôi cháu B đến khi trưởng thành và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông T; Cháu B có nguyện vọng được ở cùng với ông T. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu B, qua xem xét ý kiến của ông T, bà T và cháu B. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014 cho ông Phan Văn T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà Ngô Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông Phan Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T cùng xác định tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Ông Phan Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, bà Ngô Thị Ánh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Trần Gia B, sinh ngày 25/01/2014 cho ông Phan Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Bà Ngô Thị Ánh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông Phan Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phan Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000579 ngày 04/4/2024 (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 02/4/2024) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ghi nhận ông Phan Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Bà Ngô Thị Ánh T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn T và bà Ngô Thị Ánh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thái Sơn (Đề biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng